



VAI TRÒ CỦA GIÁO VIÊN NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG Ở VÙNG DÂN TỘC

ThS. HÀ ĐỨC ĐÀ
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Cộng đồng các dân tộc thiểu số (DTTS) là chủ thể của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc. Nhu cầu nhân lực người DTTS chất lượng cao của nền kinh tế ở vùng dân tộc đòi hỏi phát triển giáo dục trung học phổ thông (THPT) ở vùng dân tộc cả về chất lượng và số lượng.

Đội ngũ giáo viên (GV) THPT người DTTS có vai trò quan trọng, quyết định sự phát triển bền vững giáo dục THPT ở vùng dân tộc. Nội dung bài viết phân tích đặc điểm của GV THPT người DTTS và vai trò của họ đối với giáo dục THPT ở vùng dân tộc.

2. Đặc điểm của GV THPT người DTTS

2.1. Đặc điểm dân tộc

Là trí thức người DTTS nên ngôn ngữ dân tộc, đặc trưng văn hóa dân tộc và ý thức tự giác dân tộc luôn hiện hữu ở trong mỗi GV THPT người DTTS.

2.1.1. Về ngôn ngữ, mỗi GV THPT người DTTS là một cá thể song ngữ (Dân tộc - Việt)

Những GV THPT người DTTS, dù là người của dân tộc nào, dù ngôn ngữ của dân tộc đó có chữ viết hay không có chữ viết, họ luôn là những cá thể song ngữ (Dân tộc - Việt), thậm chí còn là những cá thể đa ngữ (Dân tộc A - Dân tộc B - Dân tộc Kinh). Sở dĩ họ là những cá thể song ngữ vì ở trong cộng đồng họ sử dụng tiếng dân tộc; khi đi học họ được dạy và sử dụng tiếng Việt.

Ngôn ngữ dân tộc là “vách ngăn” giữa dân tộc này với dân tộc khác và “rào cản” khi trẻ em DTTS tiếp cận giáo dục, vì ngôn ngữ giảng dạy trong nhà trường là tiếng Việt. Trong dạy học, GV THPT người DTTS là người giúp học sinh (HS) DTTS xóa bỏ được “rào cản” ngôn ngữ; củng cố, bảo tồn, phát huy được ngôn ngữ dân tộc; tăng cường được năng lực tiếng Việt và tiếp thu kiến thức được thuận lợi hơn.

2.1.2. Về văn hóa, mỗi GV THPT người DTTS là một cá thể đa văn hóa

GV người DTTS sinh ra và lớn lên trong cái nôi văn hóa của dân tộc mình. Họ được thụ hưởng, được tiếp nhận và có nhận thức sâu sắc về văn hóa, về truyền thống, về phong tục tập quán của dân tộc mình. Khi đi học và trở thành trí thức người DTTS, họ không chỉ nhận thức đầy đủ hơn về bản sắc văn hóa của dân tộc mình, mà còn được tiếp nhận văn hóa quốc gia, văn hóa nhân loại. Đồng thời, những hiểu biết của họ về vị trí, vai trò của văn hóa dân tộc trong nền văn hóa quốc gia, văn hóa nhân loại và vai trò của văn hóa đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia càng sâu sắc hơn.

Trong dạy học, là một cá thể đa văn hóa, GV sẽ giúp cho HS người DTTS bảo tồn, phát huy, phát triển được bản sắc văn hóa DTTS. Đồng thời, họ là cầu nối giúp cho HS tiếp cận nhanh với văn hóa quốc gia và văn hóa nhân loại dựa trên nền tảng văn hóa dân tộc.

2.1.3. Về ý thức tự giác dân tộc, mỗi GV THPT người DTTS vừa có ý thức tự giác dân tộc sâu sắc, vừa có ý thức quốc gia

Ý thức tự giác dân tộc thể hiện ở tên gọi dân tộc và quan niệm về nguồn gốc lịch sử dân tộc mà mỗi GV người DTTS đều ý thức sâu sắc được điều đó. Cùng với ý thức tự giác dân tộc, ý thức quốc gia được hình thành và phát triển trong bản thân mỗi GV mà có được thông qua giáo dục và hoạt động xã hội.

Trong dạy học và thông qua dạy học ý thức tự giác tộc người và ý thức quốc gia được truyền tải từ GV đến HS DTTS. Từ đó hình thành và khắc sâu trong HS DTTS ý thức tự giác của dân tộc, lòng tự tôn dân tộc; tình yêu quê hương đất nước và trách nhiệm của mình đối với sự tồn tại và phát triển của dân tộc trong sự phát triển của đất nước. Đồng thời, giúp HS dân tộc xóa bỏ được sự tự ti dân tộc, khép kín cộng đồng; mở rộng giao lưu, mở rộng hợp tác giữa các dân tộc trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

2.2. Đặc điểm nghề nghiệp

Đặc điểm nghề nghiệp được biểu hiện ở số lượng, cơ cấu và chất lượng GV người DTTS.

2.2.1. Về số lượng, đội ngũ GV THPT người DTTS chiếm tỉ lệ nhỏ trong tổng số GV THPT và có tỉ lệ thấp nhất so với tỉ lệ GV phổ thông người DTTS

Văn bản pháp lí đã quy định về tỉ lệ cán bộ, công chức người DTTS ở vùng dân tộc tương ứng với tỉ lệ dân số người DTTS tại địa phương.

Chất lượng giáo dục THPT, đặc điểm dân tộc và đặc điểm vùng miền là những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tỉ lệ GV THPT thấp. HS THPT người DTTS không thi đỗ vào các trường đại học sư phạm do năng lực hạn chế, cho nên các em đã lựa chọn các trường cao đẳng sư phạm tại địa phương để học tập và trở thành GV tiểu học và trung học cơ sở. Những yếu tố ngôn ngữ, văn hóa, phong tục, tập quán dân tộc níu kéo, cản trở việc HS THPT người DTTS phấn đấu trở thành GV THPT (lấy vợ, lấy chồng sớm; không muốn đi học xa nhà,...). Điều kiện kinh tế khó khăn gia đình không thể đáp ứng được nhu cầu, yêu cầu học đại học của con em nếu đi học xa.

2.2.2. Về cơ cấu, đội ngũ GV THPT người DTTS chưa hợp lí cả về cơ cấu thành phần dân tộc và cơ cấu môn học

Dân số các DTTS không đồng đều, địa bàn cư trú phân tán tất yếu dẫn đến cơ cấu đội ngũ GV THPT người DTTS theo dân tộc chưa hợp lí. Về logic tự nhiên, những dân tộc có dân số nhiều thì số GV người dân tộc đó nhiều. Thực tế chưa hoàn toàn như vậy, trong số những DTTS có dân số trên 1 triệu người (Tày, Thái, Mường, Mông và Khmer), dân tộc Tày có số lượng GV THPT nhiều nhất và dân tộc Mông ít nhất, dân tộc Tày sống ở vùng thấp, đan cài với người Kinh; dân tộc Mông sống ở vùng cao, cố kết cộng đồng tương đối khép kín. Như vậy, cơ cấu GV người



DTTS của mỗi dân tộc người chịu sự tác động của tính dân tộc và địa bàn cư trú.

Việc chưa hợp lí về cơ cấu còn thể hiện ở lĩnh vực môn học, số GV người DTTS dạy môn khoa học xã hội nhiều hơn số GV dạy môn khoa học tự nhiên, nhất là những môn khoa học kĩ thuật, công nghệ thông tin. Đối với HS THPT người DTTS môn khoa học tự nhiên được coi là môn khó với các em (kì thi tốt nghiệp THPT năm 2015, số HS bị điểm 0 môn Toán nhiều nhất là tỉnh Lai Châu). Do vậy, những HS chọn nghề sư phạm thường chọn môn khoa học xã hội và số GV người DTTS dạy môn khoa học xã hội có tỉ lệ cao hơn.

2.2.3. Về chất lượng, năng lực sư phạm của GV THPT người DTTS còn nhiều bất cập

Tất cả GV THPT người DTTS đều đạt chuẩn trình độ (tốt nghiệp đại học), tuy nhiên chất lượng đầu vào các trường đại học sư phạm của HS THPT người DTTS lại khác nhau. Một số em đủ điểm tuyển vào trường sư phạm; một số cộng điểm ưu tiên dân tộc và khu vực mới đủ; một số em cử tuyển; một số em được gửi vào trường đào tạo theo địa chỉ, do vậy chất lượng đầu ra khác nhau cho dù đều tốt nghiệp đại học.

Khi được tuyển dụng và sử dụng, công tác bồi dưỡng GV được thực hiện hàng năm với hình thức và nội dung chung cho tất cả GV, chưa chú ý đến tính đặc thù về dân tộc và chất lượng đào tạo giáo sinh cho nên những hạn chế về năng lực và thực lực sư phạm của GV người DTTS chưa được khắc phục. Sự hạn chế về năng lực do những nguyên nhân khách quan, nhưng lại làm nảy sinh những nhận định chủ quan, như: năng lực GV người DTTS yếu kém; GV người DTTS là nguyên nhân gây nên chất lượng giáo dục thấp. Cho nên một số trường thường không bố trí GV người DTTS dạy các lớp chất lượng khá, hay các lớp cuối cấp.

Tóm lại, những đặc điểm của GV THPT người DTTS bao hàm cả những thế mạnh, cũng như những hạn chế sẽ tác động đến quá trình dạy học. Vì vậy, những đặc điểm của GV THPT người DTTS cần được tính đến trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng,... để phát triển đội ngũ GV THPT người DTTS, giúp cho họ phát huy ưu điểm, khắc phục những hạn chế đảm nhiệm được những yêu cầu của nhiệm vụ dạy học.

3. Vai trò của GV người DTTS đối với sự phát triển giáo dục THPT ở vùng DTTS

3.1. GV THPT người DTTS là lực lượng trực tiếp tham gia thực hiện nội dung, chương trình giáo dục THPT ở vùng DTTS

Tuy số lượng không nhiều, chưa tương ứng với tỉ lệ dân số người DTTS tại mỗi địa phương, chưa hợp lí về cơ cấu, năng lực sư phạm còn bất cập, song GV người DTTS cùng với GV người Kinh (bản địa hay từ miền xuôi lên) là lực lượng trực tiếp thực hiện nội dung, chương trình giáo dục THPT ở vùng DTTS. Vai trò của GV người DTTS trong phát triển giáo dục THPT ở vùng DTTS là không thể phủ nhận. Họ đã, đang và sẽ là nội lực quan trọng để giáo dục THPT ở vùng DTTS phát triển ổn định và bền vững. Năng lực chuyên môn của đội ngũ GV người DTTS tác động trực tiếp, toàn diện đến chất lượng và hiệu quả giáo dục THPT ở vùng DTTS. Do vậy, bài toán đặt ra là xây dựng đội ngũ này đủ năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục THPT ở vùng DTTS.

3.2. GV THPT người DTTS là lực lượng nòng cốt trong việc lựa chọn và thực hiện các phương pháp giáo dục đặc thù phù hợp với đối tượng HS người DTTS

Từ đặc điểm tâm, sinh lí của HS người DTTS, đặc điểm dân tộc và đặc điểm vùng miền, dẫn đến yêu cầu cấp thiết trong quá trình thực hiện nội dung, chương trình giáo dục quốc gia ở vùng DTTS cần lựa chọn những phương thức giáo dục đặc thù phù hợp với đối tượng HS là người DTTS.

Là trí thức người DTTS, GV người DTTS hiểu biết sâu sắc về văn hóa dân tộc và đặc điểm HS người DTTS. Đồng thời, đã trải nghiệm trong quá trình là HS phổ thông nên họ biết rõ những mặt tích cực cũng như hạn chế của HS người DTTS trong quá trình tiếp thu kiến thức, phát triển trí tuệ. Vì vậy, trong dạy học không chỉ đối với bản thân mà còn tư vấn, hỗ trợ cho GV người Kinh lựa chọn những phương pháp, hình thức giáo dục đặc thù phù hợp với HS là người DTTS.

3.3. GV THPT người DTTS là lực lượng chủ yếu trực tiếp thực hiện hướng nghiệp và tư vấn chọn nghề sư phạm cho HS người DTTS một cách có hiệu quả nhất qua tấm gương của bản thân mình

Ở những xã đặc biệt khó khăn, xã khó khăn ở vùng DTTS, việc có HS học ở trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh (THPT) là niềm tự hào của gia đình, của địa phương. Đặc biệt hơn, nếu xã có người DTTS đạt trình độ đại học và là GV THPT. Sự tôn vinh người có trình độ đại học trong cộng đồng các DTTS là tấm gương tốt để đồng bào đồng viên con em cố gắng học tập. Do vậy, GV THPT người DTTS là tấm gương để HS noi theo. HS tự hào về người dân tộc mình và noi gương thầy, cô phấn đấu, để cố gắng học tập để cũng được trở thành GV.

3.4. GV THPT người DTTS là lực lượng chủ yếu trong tuyên truyền, vận động cộng đồng tham gia vào các hoạt động giáo dục, xã hội hóa giáo dục ở vùng DTTS

HS không đi học đều, bỏ học, không học tiếp lên cấp học cao hơn,... là những tồn tại, bất cập của giáo dục ở vùng DTTS. GV người DTTS là người của cộng đồng, sử dụng ngôn ngữ dân tộc để vận động HS đến trường, động viên HS đi học đều, khuyến khích HS học lên cấp học cao hơn; vận động cộng đồng tạo điều kiện để con em đi học rất thuận lợi và đạt kết quả nhanh.

Mặt khác, với thế mạnh của mình về ngôn ngữ và văn hóa dân tộc, GV người DTTS đóng góp tích cực trong tuyên truyền, vận động để làm thay đổi nhận thức trong cộng đồng về vai trò của giáo dục; về sự cần thiết có tham gia của cộng đồng vào xã hội hóa giáo dục.

3.5. GV THPT người DTTS có vai trò chủ yếu trong bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa các DTTS

Thông qua dạy học và qua các hoạt động giáo dục khác, GV người DTTS giúp cho HS hiểu biết sâu hơn về truyền thống, phong tục, tập quán dân tộc; đồng thời giúp cho HS hiểu được sâu sắc hơn vị trí, vai trò của văn hóa dân tộc đối với sự phát triển cộng đồng; vai trò, vị trí của văn hóa dân tộc trong nền văn hóa Việt Nam.

Văn năng sử dụng song ngữ trong dạy học của GV người DTTS không chỉ giúp cho HS DTTS thuận lợi hơn trong tiếp cận tri thức; trong phát triển và nâng cao năng lực tiếng Việt (giảm được hiện tượng rỗng nghĩa khi HS học tiếng Việt) mà còn bảo tồn, phát huy và phát triển ngôn ngữ, văn hóa các DTTS.

4. Kết luận

GV THPT người DTTS có vai trò và ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển ổn định và bền vững giáo dục THPT ở vùng DTTS. Vai trò của họ không chỉ ở thực



hiện nhiệm vụ dạy học của một GV THPT thông thường, mà còn thể hiện ở việc khắc phục những vướng mắc, những cản trở sự phát triển giáo dục THPT ở vùng DTTS do những đặc điểm dân tộc và đặc điểm vùng miền tạo ra. Vấn đề đặt ra là cần đánh giá và nhận thức đúng về vị trí, vai trò của họ đối với sự phát triển của giáo dục THPT ở vùng DTTS để có những biện pháp giúp họ nâng cao năng lực và thực lực sư phạm đáp ứng được nhiệm vụ dạy học, đặc biệt là yêu cầu của đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và đổi mới căn bản toàn diện nền giáo dục Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Hà Đức Đà, (2000), *Người Mông người Dao ở Cao Bằng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đề tài cấp tỉnh.*
 [2]. UNESCO, (2006), *Giáo dục trong một thế giới đa ngôn ngữ, tài liệu quan điểm giáo dục.*
 [3]. Vũ Đình Hòe, Đoàn Minh Huân, (2008), *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc và Tây Nguyên hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4]. *Luật Giáo dục*, (2005), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 [5]. *Thông tư số: 02/2014/TTLT-UBND-BNV, Quy định và hướng dẫn công tác cán bộ, công chức, viên chức người DTTS.*
 [6]. Đặng Nghiêm Vạn, (2001), *Dân tộc văn hóa tôn giáo*, NXB Khoa học Xã hội.
 [7]. Trịnh Quang Cảnh, (2002), *Trí thức người dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong công cuộc đổi mới*, Luận án tiến sĩ Triết học.

SUMMARY

This article presents the role of ethnics teachers in the development of ethnics high school education. In particular, the article analyzes the characteristics of ethnics teachers and their role for the High School education in ethnic minority areas. Specifically, the characteristics of high school teachers from ethnic minorities, the author presents the ethnic characteristics (language, culture, ethnic self-consciousness), occupational characteristics (quantity, structure, quality of teaching capacity).

Keywords: Teachers; ethnic minorities; high school education.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC... (Tiếp theo trang 8)

của Đảng và Nhà nước trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh hiện nay, để đuổi kịp các nền GD tiên tiến trong khu vực và thế giới, GD nước ta phải đẩy mạnh, thực hiện quyết liệt và hiệu quả một loạt vấn đề mang tầm chiến lược. Việc phát triển nguồn nhân lực GD đảm bảo yêu cầu: Lực lượng trẻ đạt và trên chuẩn trình độ, chất lượng cao, cơ cấu cấp và bậc học, đặc biệt quan tâm phát triển nguồn nhân lực KHGD. Đây là nhu cầu khách quan đối với mọi nền GD. Theo đó, phát triển nguồn nhân lực KHGD ở Việt Nam diễn ra trong bối cảnh hội nhập quốc tế nhằm hiện thực hóa tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI.

Trong điều kiện hiện nay, con đường phát triển nguồn nhân lực tại các cơ sở đào tạo được khởi nguồn thực hiện các cơ chế, chính sách nhằm động viên, khuyến khích hỗ trợ cán bộ, giảng viên đi học cao học, tiến sĩ lĩnh vực KHGD, tạo môi trường thuận lợi để họ phát huy tiềm năng nghiên cứu KHGD. Mặt khác, mở rộng giao lưu khoa học như: Hội thảo khoa học, tham gia các đề tài nghiên cứu,... Qua đó, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm nghiên cứu KHGD.

Như vậy, việc chọn lựa cán bộ, giảng viên tại các nhà trường, có tư chất, có sự trải nghiệm sâu sắc để bồi dưỡng, đào tạo một cách hệ thống về KHGD. Con đường này có hiệu ứng cao để có nguồn nhân lực KHGD sung sức, bao quát được lí luận và nắm được sự sôi nổi của thực tiễn GD.

3.3. Con đường thứ ba

Một trong những nguyên nhân có tác động đến chất lượng GD - đào tạo ở nước ta là hiện tượng già hóa đội ngũ cán bộ, nhà giáo có tâm, tầm, tài. Đồng thời lực lượng trẻ được đào tạo bài bản trong và ngoài nước ngày càng gia tăng, song có một bộ phận trong lực lượng này, tinh thần trách nhiệm chưa cao, đạo đức nghề nghiệp giảm sút và chưa đam mê nghiên cứu khoa học nói chung.

Từ thực tế này, con đường thứ ba để phát triển nguồn nhân lực KHGD khả dĩ mang lại kết quả, hiệu quả

kinh tế cho cái chung và cái riêng, cụ thể hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về tiếp tục sử dụng nhân lực có trình độ cao “nguyên khí quốc gia”. Đó phải là xã hội hóa các lực lượng khoa học ưu tú của xã hội, thu hút sự nghiên cứu của họ vào nghiên cứu KHGD. Thực tế cho thấy, ngày càng có nhiều nhà hoạt động xã hội có uy tín, nhà khoa học uyên bác khi qua tuổi “tri thiên mệnh” đã dồn trí tuệ, tâm huyết của mình cho KHGD và họ có kiến giải sâu sắc cho chính sách GD của đất nước.

4. Kết luận

Để cải cách hệ thống GD và đào tạo, hội nhập quốc tế cần phải huy động mọi lực lượng GD tham gia mà trước hết là đầu tư và phát triển nguồn nhân lực KHGD. Nguồn nhân lực này là những người có kiến thức chuyên môn sâu rộng về lĩnh vực GD đào tạo, có khả năng định hướng được những chiến lược, sách lược cho GD đào tạo đi đúng hướng, phù hợp với tình hình đất nước và xu hướng đổi mới của GD thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Phạm Minh Hạc, (2014), *Luận về GD, GD học-KHGD*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
 [2]. Phan Văn Kha, Nguyễn Lộc và tập thể tác giả, (2011), *KHGD Việt Nam từ đổi mới đến nay*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

SUMMARY

Basing on research on educational science human resources, the article identified three development paths of educational science human resources in order to actively support our country in international integration, contributing to the development of Vietnam education and training in the current period.

Keywords: Human resources; educational science; development.